

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồi và bà Phạm Thị Ngọc Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/03/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2021/TLST- HNGĐ ngày 02/12/2021, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST- HNGĐ ngày 04/3/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đàm Văn T**, sinh năm 1962; địa chỉ: 250/5 Nguyễn Công T, tổ 29, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Diễm T1**, sinh năm 1977; địa chỉ: 250/91 Nguyễn Công T, tổ 30, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 29/11/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Đàm Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị Diễm T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận S. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại Tổ 30, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì tiền bạc, việc làm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên chúng tôi ly thân nhau từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay tôi xác định tình cảm của tôi đối với vợ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với vợ là bà Nguyễn Thị Diễm T1.

- Về con chung: Tôi xác định giữa tôi và bà T1 không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định giữa tôi và bà T1 không có tài sản chung.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của bà T1 trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.*

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Nguyên đơn ông T chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn bà T1 không tham gia tố tụng tại Tòa án là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân của ông T và bà T1 đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ông T được ly hôn bà T1.

Về con chung: Không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa ông Đàm Văn T và bà Nguyễn Thị Diễm T1 T1ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Nguyễn Thị Diễm T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ông Đàm Văn T và bà Nguyễn Thị Diễm T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận S. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông T là do mâu thuẫn về tiền bạc và việc làm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên ông và bà T1 ly thân nhau từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay ông T xác định tình cảm của ông đối với bà T1 không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với vợ là bà Nguyễn Thị Diễm T1.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T1. HĐXX xét thấy: Ngoài những mâu thuẫn vợ chồng như ông T trình bày, qua xác minh tại địa phương ngày 10/02/2022, thể hiện vợ chồng ông T hiện nay không sống cùng nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận. Còn bà T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng

không đến, bà không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên cần vận dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý là phù hợp.

Về con chung: Ông T xác định giữa ông và bà T1 không có con chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định giữa ông và bà T1 không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" của ông Đàm Văn T đối với bà Nguyễn Thị Diễm T1.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Đàm Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị Diễm T1.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đàm Văn T đối với bà Nguyễn Thị Diễm T1 nên giấy chứng nhận kết hôn số 02 do UBND phường P, quận S cấp ngày 10/01/2017 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông T xác định giữa ông và bà T1 không có con chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định giữa ông và bà T1 không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng ông Đàm Văn T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai T1 số 3080 ngày 02/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đông Thanh

